

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v “*ly hôn, nuôi con và
tranh chấp tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA- TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Hội Thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Ghên.

Ông: Lý Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 484/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 04/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 143/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Chị C có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 27/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Ngọc C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh H chung sống vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Hòa Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Thời gian đầu, vợ chồng

sống chung hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị C trình bày, chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Vàng, sinh năm 2018, hiện chị đang nuôi. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng: Chị C yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tranh chấp tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập tài sản chung là 02 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, giấy chứng nhận đăng ký mô tô do anh H đứng tên, cụ thể là xe mô tô biển kiểm soát số 62P2-044.79 và 62P2-072.67. Hiện anh H đang quản lý sử dụng xe biển kiểm soát số 62P2-044.79, chị C đang quản lý, sử dụng chiếc xe biển kiểm soát 62P2-072.67. Khi ly hôn, chị C yêu cầu anh H chia đôi tài sản chung nêu trên, cụ thể: Chị C xin sở hữu chiếc xe 62P2-072.67, chị đồng ý giao cho anh H được tiếp tục quản lý, sử dụng chiếc xe biển kiểm soát số 62P2-044.79.

Về nợ chung: Chị C khai không có.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 12/6/2020, anh H trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung, nợ chung là đúng. Nay chị C xin ly hôn, anh đồng ý. Anh đồng ý giao con chung cho chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung: anh và chị C tự thỏa thuận.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị C về chia tài sản chung là 02 chiếc xe gắn máy nêu trên thì anh H không có ý kiến gì phản hồi.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Qua ý kiến của đương sự, chứng cứ mà đương sự giao nộp, thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng tại bản tự khai có ý kiến đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: các đương sự thống nhất có 01 con chung, anh H có ý kiến đồng ý giao con chung cho chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, anh H đồng ý

cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng là phù hợp với thu nhập của anh H, phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về yêu cầu chia tài sản: theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập thể hiện quá trình chung sống chị C và anh H có tạo lập khối tài sản chung là 02 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision. Hai chiếc xe này đăng ký giấy chứng nhận đăng ký xe lần đầu là vào tháng 01 và tháng 4 năm 2020, thời điểm này anh H và chị C vẫn còn là quan hệ vợ chồng. Tài sản này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, chị C cho rằng đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu chia đôi là có căn cứ, phù hợp với Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ chung: các đương sự khai không có nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa, lời của Kiểm sát viên, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án

Chị Trần Thị Ngọc C có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Minh H. Anh H đang cư trú tại xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Căn cứ vào các điều 35, 63 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2]. Về nội dung,

[2.1] Về quan hệ hôn nhân,

Chị Trần Thị Ngọc C và anh Nguyễn Minh H chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn, anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung,

Các đương sự đều thống nhất khai có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc V, 2018. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung

Về cấp dưỡng: Chị C yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Anh H vắng mặt nhưng tại bản tự khai anh H đồng ý giao con chung cho chị C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, là phù hợp với mức thu nhập của anh H và phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4]. Về tranh chấp tài sản trong thời kỳ hôn nhân:

Tại phiên tòa, chị C khai tài sản chung của vợ chồng là 02 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision, giấy chứng nhận đăng ký xe do anh H đang đứng tên, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe máy vào tháng 01 và tháng 4 năm 2020. Tài sản này do vợ chồng tạo lập chung trong thời kỳ hôn nhân.

Anh Nguyễn Minh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị C nhưng theo theo tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập và do nguyên đơn giao nộp là giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy xác nhận của Công an huyện Đức Hòa có căn cứ chứng minh 02 chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 62p2 - 044.79 và 62P2- 072.67; hiện anh H đang đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, được cấp giấy chứng nhận xe vào tháng 01 và tháng 4 năm 2020. Đây là tài sản chung của chị C và anh H được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Do vậy, chị C yêu cầu anh H chia đôi giá trị tài sản chung 02 chiếc xe gắn máy nêu trên là có căn cứ, phù hợp với Điều 33, 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Trần Thị Ngọc C có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu thẩm định giá tài sản tranh chấp.

Theo chứng thư thẩm định giá thì xe 02 chiếc xe gắn máy có tổng giá trị là 56.700.000 đồng, trong đó: chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 62P2-044.79 có giá trị thành tiền là 26.200.000 đồng, chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 62P2 -072.67 có giá trị thành tiền là 30.500.000 đồng.

Do chị C được chia tài sản có giá trị chênh lệch cao hơn chiếc xe gắn máy mà anh H được chia nên phải hoàn lại cho anh H phần giá trị tài sản có chênh lệch số tiền 2.150.000 đồng là phù hợp.

[2.6]. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Chi phí thẩm định giá tài sản: Chị Trần Thị Ngọc C đã tạm nộp số tiền 3.500.000 đồng và đã chi phí xong nên buộc anh Nguyễn Minh H phải hoàn lại cho chị C 1.750.000 đồng là đúng với Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí:

Chị Trần Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với phần giá trị tài sản chung được chia 56.700.000 đồng: 02 = **28.350.000** đồng.

Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% đối với phần giá trị tài sản chung được chia 56.700.000 đồng: 02 = **28.350.000** đồng là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 63, 147, 157, 222, 225, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015; các điều 09, 33, 38, 39, 40, 56, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Minh H

2. Về con chung:

Chị Trần Thị Ngọc C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 30/9/2018.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Minh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

4. Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị Ngọc C.

Chị Trần Thị Ngọc C được quyền quản lý, sở hữu xe gắn máy hiệu Honda Vision biển kiểm soát 62P2-072.67 (hiện chị C đang quản lý).

Anh Nguyễn Minh H được quyền quản lý, sở hữu chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision biển kiểm soát 62P2-044.79 (hiện anh H đang quản lý).

Chị Trần Thị Ngọc C có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy Honda Vision biển kiểm soát 62P2-072.67 phù hợp với kết quả giải quyết của bản án.

Buộc chị Trần Thị Ngọc C phải hoàn lại cho anh Nguyễn Minh H số tiền 2.150.000 đồng phần giá trị tài sản chênh lệch.

5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

6. Về chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp:

Chị Trần Thị Ngọc C đã tạm nộp số tiền 3.500.000 đồng và đã chi phí xong nên buộc anh Nguyễn Minh H phải hoàn lại cho chị C số tiền 1.750.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

7. Về án phí:

Buộc chị Trần Thị Ngọc C phải nộp 300.000 đồng án ly hôn và 1.417.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng theo biên lai thu số 5313 ngày 27/5/2020 và biên lai thu số 5621 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành. Chị Trần Thị Ngọc C còn phải nộp tiếp 667.500 đồng.

Buộc anh Nguyễn Minh H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 1.417.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

8. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Hòa Đông;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ghên - Lý Văn Hùng

Văn Công Thức

